

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2260/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn
ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020
của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số: 84/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 về kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV; 71/2018/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; 87/2019/QH14 ngày 14 tháng 11 năm 2020 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2020; 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 về kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phương án phân bổ 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ số: 50/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2019 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ trực tuyến với các địa phương tháng 6 năm 2019; 129/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2020 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 8661/TTr-BKHĐT ngày 26 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020 như sau:

1. Điều chỉnh tăng 74,994 tỷ đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn dự phòng 10% vốn ngân sách trung ương tại địa phương cho các dự án của các tỉnh: Quảng Trị, Quảng Nam, Cao Bằng tại Phụ lục kèm theo.

2. Bổ sung 100 tỷ đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nước giai đoạn 2016 - 2020 cho tỉnh Quảng Bình để thực hiện dự án tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 797/NQ-UBTVQH14 ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phụ lục kèm theo.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2020 là 134,994 tỷ đồng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, trong đó: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (37,072 tỷ đồng), Gia Lai (9,414 tỷ đồng), Thành phố Hồ Chí Minh (35,983 tỷ đồng), Cần Thơ (27,828 tỷ đồng), tỉnh Bình Dương (14,145 tỷ đồng), tỉnh Nghệ An (10,552 tỷ đồng); đồng thời, điều chỉnh tăng 134,994 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương trong nước năm 2020 cho các địa phương: Quảng Bình (30 tỷ đồng), Quảng Trị (29,994 tỷ đồng), Quảng Nam (25 tỷ đồng), Phú Yên (30 tỷ đồng), Cao Bằng (20 tỷ đồng) để thực hiện các dự án theo đề xuất của địa phương.

4. Điều chỉnh giảm 5.969,755 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2020 đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; đồng thời, điều chỉnh tăng 172,064 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2020 cho Bộ Y tế và các địa phương để thực hiện dự án theo đề xuất tại Phụ lục kèm theo.

5. Giao 2.500 tỷ đồng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thanh toán phần còn thiếu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

6. Giao 76,296 tỷ đồng kế hoạch đầu tư vốn viện trợ không hoàn lại nguồn ngân sách trung ương năm 2020 cho 05 địa phương: Hà Giang: 20 tỷ đồng, Hòa Bình: 19,9 tỷ đồng, Quảng Trị: 9,096 tỷ đồng, Kon Tum: 18,3 tỷ đồng và Trà Vinh: 9 tỷ đồng để thực Dự án “Hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135”.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về tính

chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục và mức vốn điều chỉnh, bổ sung của từng dự án, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, danh mục và mức vốn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

1. Thông báo cho các đơn vị danh mục và mức vốn từng dự án theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này gửi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 01 năm 2021.

2. Chịu trách nhiệm phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020 cho các dự án đảm bảo thủ tục theo quy định, theo đúng ưu tiên bố trí vốn cho các dự án này để hoàn thành đúng tiến độ trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2020 tại Điều 1, 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch tại Điều 1;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao, điều chỉnh kế hoạch tại Điều 1;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT các Vụ: CN, NN, KGVX, NC, QHQT, QHĐP, TKBT, TH;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 88



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020 CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: **2.260** /QĐ-TTg ngày **30** tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg và điều chỉnh tại Quyết định số 1638/QĐ-TTg				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài		Kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2020 sau khi điều chỉnh				Ghi chú
		TỔNG SỐ	Trong đó:			Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2020	Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2020	TỔNG SỐ	Trong đó:			
			Các Dự án ODA thông thường	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Chương trình mục tiêu quốc gia				Các Dự án ODA thông thường	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Chương trình mục tiêu quốc gia	
	TỔNG SỐ	21.600.283	17.077.403	2.726.102	1.796.778	5.969.755	172.064	15.802.592	11.279.712	2.726.102	1.796.778	
I	Bộ, cơ quan trung ương	656.239	656.239				60.777	717.016	717.016			
	Bộ Y tế	656.239	656.239				60.777	717.016	717.016			
II	Địa phương	20.944.044	16.421.164	2.726.102	1.796.778	5.969.755	111.287	15.085.576	10.562.696	2.726.102	1.796.778	
1	Hà Giang	1.118.100	716.106	38.140	363.854	195.723		922.377	520.383	38.140	363.854	
2	Yên Bái	850.000	709.484	140.516		163.288		686.712	546.196	140.516		
3	Thái Nguyên	437.455	407.344	30.111		9.780		427.675	397.564	30.111		
4	Phú Thọ	293.400	293.400			33.744		259.656	259.656			
5	Hoà Bình	734.500	651.627	82.873		356.536		377.964	295.091	82.873		
6	Sơn La	530.500	458.620	71.880		26.687		503.813	431.933	71.880		
7	Lai Châu	361.500	90.788	37.500	233.212	54.488		307.012	36.300	37.500	233.212	
8	Thành phố Hải Phòng	662.000	607.033	54.967		15.578		646.422	591.455	54.967		
9	Quảng Ninh	566.900	566.900			373.580		193.320	193.320			
10	Hải Dương	115.200	115.200			111.825		3.375	3.375			
11	Hung Yên	102.800	102.800			41.862		60.938	60.938			
12	Ninh Bình	213.753	74.262	139.491		14.359		199.394	59.903	139.491		
13	Thái Bình	254.500	110.740	143.760				242.500	98.740	143.760		
14	Quảng Bình	898.000	593.091	110.447	194.462	187.139		710.861	405.952	110.447	194.462	
15	Thừa Thiên - Huế	1.245.700	1.026.289	100.369	119.042	27.650		1.218.050	998.639	100.369	119.042	
16	Thành phố Đà Nẵng	769.000	583.296	185.704		233.296		535.704	350.000	185.704		

STT	Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	Kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg và điều chỉnh tại Quyết định số 1638/QĐ-TTg				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài		Kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW năm 2020 sau khi điều chỉnh				Ghi chú
		TỔNG SỐ	Trong đó:			Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2020	Điều chỉnh tăng kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài năm 2020	TỔNG SỐ	Trong đó:			
			Các Dự án ODA thông thường	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Chương trình mục tiêu quốc gia				Các Dự án ODA thông thường	Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh	Chương trình mục tiêu quốc gia	
17	Quảng Ngãi	590.600	333.870	48.177	208.553	144.184		446.416	189.686	48.177	208.553	
18	Bình Định	1.041.000	792.924	113.325	134.751		29.000	1.070.000	821.924	113.325	134.751	
19	Phú Yên	340.300	268.034	72.266		57.846		282.454	210.188	72.266		
20	Khánh Hoà	318.700	192.309	126.391		24.400		294.300	167.909	126.391		
21	Ninh Thuận	702.600	431.873	199.113	71.614	383.400		319.200	48.473	199.113	71.614	
22	Bình Thuận	281.000	188.623		92.377	17.149		263.851	171.474		92.377	
23	Đắc Lắc	639.900	321.086	72.266	246.548	40.429		599.471	280.657	72.266	246.548	
24	Gia Lai	350.585	177.221	173.364		4.859		345.726	172.362	173.364		
25	Lâm Đồng	224.600	224.600			128.663		95.937	95.937			
26	Thành phố Hồ Chí Minh	5.044.991	5.044.991			2.990.111		2.054.880	2.054.880			
27	Bình Phước	43.700	43.700				73.889	117.589	117.589			
28	Tiền Giang	121.800	121.800			105.352		16.448	16.448			
29	Vĩnh Long	208.800	138.616	70.184		81.981		126.819	56.635	70.184		
30	Hậu Giang	237.105	182.906	54.199		45.706		191.399	137.200	54.199		
31	Sóc Trăng	667.855	302.427	233.063	132.365		8.398	676.253	310.825	233.063	132.365	
32	An Giang	649.700	430.940	218.760		74.763		574.937	356.177	218.760		
33	Kiên Giang	327.500	118.264	209.236		13.377		314.123	104.887	209.236		

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 2260 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					200.000	200.000		20.000	
	Cao Bằng					200.000	200.000		20.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					200.000	200.000		20.000	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					200.000	200.000		20.000	
(1)	Kè chống sạt lở, ổn định khu dân cư Cao Bình, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng	TP Cao Bằng	L=3.600m; kè đứng kết hợp mái nghiêng; kết cấu kè bằng bê tông cốt thép	2020-2021	859/QĐ-UBND, 28/5/2020; 2411/QĐ-UBND 04/12/2020	200.000	200.000		20.000	

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 2.260 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					150.000	150.000		25.000	
	Quảng Nam					150.000	150.000		25.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					150.000	150.000		25.000	
	Giao thông					150.000	150.000		25.000	
(1)	Tuyến đường ĐH1.PS (đoạn Phước Kim - Phước Thành)	Phước Sơn		2020-2022	3539/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	150.000	150.000		25.000	

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TĂNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN DỰ PHÒNG 10% TẠI BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 2260 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã giao và đã điều chỉnh tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 sau khi được điều chỉnh tại Quyết định này	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW			
	TỔNG SỐ					135.000	135.000	26.880	56.874	
	Quảng Trị					135.000	135.000	26.880	56.874	
	DANH MỤC DỰ ÁN CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					135.000	135.000	26.880	56.874	
	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng					135.000	135.000	26.880	56.874	
	Khởi công mới					135.000	135.000	26.880	56.874	
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn					135.000	135.000	26.880	56.874	
(1)	Đường liên xã Đakrông - Mò Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông.	Đakrông	21 km	2017-2021	1934/QĐ-UBND 15/8/2016	135.000	135.000	26.880	56.874	

Phụ lục

BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO NGHỊ QUYẾT 797/NQ-UBTVQH14

(Kèm theo Quyết định số: 2.260 /QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ giao		Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016-2020	Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW		
	TỔNG SỐ					100.000	100.000			100.000	
	Quảng Bình					100.000	100.000			100.000	
	DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA CÓ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW GIAI ĐOẠN 2016-2020					100.000	100.000			100.000	
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					100.000	100.000			100.000	
	Khởi công mới					100.000	100.000			100.000	
	KCM 2017-2020 chưa có chủ trương đầu tư, hoàn thành sau giai đoạn					100.000	100.000			100.000	
(1)	Kè biển Hải Thành-Quang Phú, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 2)	Đồng Hới	Tuyến kè dài khoảng 2,2 km	2020-2023	2220a/UBND-TH ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình	100.000	100.000			100.000	